TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 368/2018/DS-PT
Ngày: 12/11/2018
V/v tranh chấp: "Yêu cầu sử dụng lối đi qua bất động sản liền kề".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Toàn**;

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp *"Yêu cầu sử dụng lối đi qua bất động sản liền kề"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2018/QĐPT-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Phạm Duy M**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 14, đường N, khu phố 1, phường 2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1982. (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Út M**, sinh năm 1984. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Trà Duy L** – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1968. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Hồ Thị R**, sinh năm 1944. (vắng mặt).

2/ **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1965. (vắng mặt).

3/ **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1990. (vắng mặt).

4/ **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1989. (vắng mặt).

5/ **Lê Công T**, sinh năm 1989. (vắng mặt).

6/ **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1984. (vắng mặt).

7/ **Nguyễn Minh G**, sinh năm 2004.

8/ **Nguyễn Minh T**, sinh năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của Giàu, Triệu: **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

9/ **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Phi C** – Chức vụ: Giám đốc. (xin vắng mặt).

10/ **Lê Hoàng V**, sinh năm 1983. (xin vắng mặt).

11/ **Lê Hoàng P**, sinh năm 1985. (xin vắng mặt).

12/ **Lê Hoàng D**, sinh năm 1990. (xin vắng mặt).

13/ **Hồ Thị T**, sinh năm 1985. (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

14/ **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 2001.

Người đại diện theo pháp luật: **Lê Hoàng V**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

15/ **Lê Hoàng H**, sinh năm 2005.

16/ **Lê Hoàng Thúy V**, sinh năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật: **Hồ Thị T**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Út M.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Duy M trình bày:

Nguồn gốc phần đất bà T yêu cầu được mở lối đi là của cha bà T tên Nguyễn Văn T cho sử dụng từ năm 1996. Đến năm 2008 bà T làm thủ tục sang tên phần đất diện tích 2.070m² thuộc thửa đất số 28729.03.984, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 06260V-TT do UBND thị xã G cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 23/6/2008. Trên phần đất bà T và gia đình có xây dựng căn nhà kiên cố. Từ khi sử dụng phần đất trên, gia

đình bà T có sử dụng lối đi ngang qua phần đất của ông T, đến năm 2009 ông T chết thì phần đất của ông T để lại cho ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Út M. Sau khi phía bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà vẫn sử dụng lối đi như trước đây.

Năm 2015, gia đình bà xảy ra mâu thuẫn với bà R và các cậu, dì nên phía anh L, anh S không cho sử dụng lối đi này nữa. Khi không được sử dụng lối đi thì gia đình bà phải đi nhờ qua phần đất của nhiều hộ gia đình để đến được lối đi công cộng. Khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì bà nhận thấy lối đi cũ phải đi giữa phần đất của anh L, anh S sẽ bất tiện cho việc ông L, anh S sử dụng đất nên bà thay đổi yêu cầu xin mở lối đi cặp bên hông đất nhà anh S ở hướng Đông và chị Út M để chạy thẳng lên đường tỉnh 871B vì ngoài lối đi này thì gia đình bà không còn lối đi khác.

Nay bà khởi kiện yêu cầu mở lối đi ngang 01m, dài đến hết phần đất của anh Nguyễn Văn S có diện tích 60m² qua phần đất thuộc thửa số 1679 (986) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00357 do UBND thị xã G cấp cho anh Nguyễn Văn S ngày 19/11/2010 và yêu cầu mở lối đi ngang 01m, dài đến tỉnh lộ 871B diện tích 11,40m² qua phần đất thuộc thửa đất số 1981 (987) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00358 do UBND thị xã G cấp cho chị Nguyễn Thị Út M.

Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu được mở lối đi trên phần đất của ông L.

- Bị đơn, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Phần đất bà Tyêu cầu mở lối đi có nguồn gốc của cha mẹ ruột anh là bà Hồ Thị R và ông Nguyễn Văn T (đã chết) cho bà T sử dụng từ năm 1996. Thửa đất số 984 của bà T nằm liền kề phía sau thửa đất số 986 của anh. Từ khi bà T quản lý thửa đất trên đến năm 2015 thì đều sử dụng lối đi ngang qua phần đất của anh và ông L. Năm 2015, bà T cùng các con mâu thuẫn và đến nhà hành hung gia đình anh, sau đó bà T tự ý lấp lối đi này và không sử dụng nữa. Nay với yêu cầu của bà T xin mở lối đi thì anh đồng ý với điều kiện bà T phải trả lại giá trị đất cho anh với giá là 5.000.000 đồng/m².

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về nguồn gốc và vị trí đất. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông không đồng ý do gia đình bà T đã có lối đi khác từ năm 2015.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Út M trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh S. Đối với yêu cầu xin mở lối đi của bà T qua phần đất của chị thì chị đồng ý với điều kiện là bà T phải trả lại giá trị đất cho chị với giá là 6.000.000 đồng/m² vì phần đất này là mặt tiền giáp đường tỉnh 871B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các anh chị Lê Hoàng V, Lê Hoàng P, Lê Hoàng D, Hồ Thị T, Lê Hoàng H, Lê Hoàng Thúy V cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T là yêu cầu được mở lối đi qua phần đất của anh S, chị Út M.

+ Bà Hồ Thị R trình bày: Thửa đất mà bà T đang sử dụng có nguồn gốc là của vợ chồng bà tặng, cho. Khi tặng, cho, bà T có cam kết sau này nếu có em gái nào gặp khó khăn thì bà T sẽ cho về xây dựng nhà cửa sống trên phần đất này suốt đời. Nhưng sau đó bà T không giữ lời hứa và còn hành hung gia đình bà. Nay bà thống nhất với ý kiến của anh S, đồng thời yêu cầu bà T cùng các con phải xin lỗi bà và cậu, dì thì sẽ xem xét để cho mở lối đi.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã G trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không ảnh hưởng đến khoản vay của Ngân hàng. Do đó phía Ngân hàng có đơn không tham gia và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G đã quyết định:

- Áp dụng Điều 245, 254 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc xin mở lối đi qua bất động sản của ông Nguyễn Văn L diện tích 24m² (ngang 0,4m, dài 60m) tại thửa đất số 982.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc mở lối đi qua phần đất thuộc thửa đất số 1979 (986) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00357 do UBND thị xã G cấp cho anh Nguyễn Văn S ngày 19/11/2010 và qua phần đất thuộc thửa đất số 1981 (987) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00358 do UBND thị xã Gò C cấp cho chị Nguyễn Thị Út M.

Buộc anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Út Mvà các thành viên trong hộ gồm: bà Hồ Thị R, Nguyễn Thị K, Lê Công T, Lê Thị Thanh T, Nguyễn Minh G, Nguyễn Minh T cùng có nghĩa vụ mở cho bà Nguyễn Thị T lối đi vào thửa đất số 984. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Lối đi bà Nguyễn Thị T được mở có các bên tiếp giáp như sau:

- Lối đi qua thửa đất số 1979 (986) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00357 do UBND thị xã G cấp cho anh Nguyễn Văn S ngày 19/11/2010 có vị trí:

+ Hướng Đông giáp đất Nguyễn Thị Út M có số đo 01m;

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị T có số đo 01m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn S có số đo các đoạn 2,15m + 2,88m + 4,88m + 50m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị C có số đo các đoạn 2,15m + 03m + 05m + 50m;

Tổng diện tích là 60m².

- Lối đi qua thửa đất số 1981 (987) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00358 do UBND thị xã G cấp cho chị Nguyễn Thị Út M có vị trí:

+ Hướng Đông giáp đường tỉnh 871B có số đo 01m;

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn S có số đo 01m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Thị Út M có số đo 11,7m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị C có số đo 12,11m;

Tổng diện tích là 11,4m².

(*Có sơ đồ kèm theo*)

- Buộc anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Út M và các thành viên trong hộ gồm: bà Hồ Thị R, Nguyễn Thị K, Lê Công T, Lê Thị Thanh T, Nguyễn Minh G, Nguyễn Minh T cùng có trách nhiệm chặt và di dời 10 cây sua đũa đường kính 02cm – 05cm ra khỏi phần diện tích đất 60m² thuộc thửa đất số 1979 (986) mở lối đi cho bà Nguyễn Thị T. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đền bù cho anh Nguyễn Văn S tổng số tiền 36.150.000 đồng; đền bù cho chị Nguyễn Thị Út M tổng số tiền 11.400.000 đồng. Thời gian bồi thường ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ khi anh S, chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 26/7/2018, bị đơn Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 27/7/2018, bị đơn Nguyễn Thị Út M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện do nguyên đơn ủy quyền là anh Phạm Duy M và bị đơn anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Út M thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Do tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó của các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện do nguyên đơn ủy quyền là anh Phạm Duy M, bị đơn là chị Nguyễn Thị Út M, anh Nguyễn Văn S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau: anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Út M đồng ý mở lối đi cho bà Nguyễn Thị T có chiều rộng là 01 mét, chiều dài từ phần đất của bà T đi ra đến đường Tỉnh 871B; Chiều dài lối đi được mở qua phần đất của anh S có chiều dài là 60 mét, qua phần đất của chị Út M có chiều dài là 11,4 mét. Bà T đồng ý hoàn trả giá trị đất cho anh S số tiền là 125.553.360 đồng và giá trị 10 cây sua đũa phải di dời ra khỏi lối đi là 150.000 đồng, tổng cộng số tiền bồi thường cho anh S là 125.703.360 đồng; Bồi thường cho chị Út M giá trị đất phải mở lối đi là 23.737.969 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Ý kiến trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 245, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 13-7-2018 của Tòa án nhân dân thị xã G.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc xin mở lối đi qua bất động sản của ông Nguyễn Văn L diện tích 24m² (ngang 0,4m, dài 60m) tại thửa đất số 982.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Út M và các thành viên trong hộ gồm: bà Hồ Thị R, Nguyễn Thị K, Lê Công T, Lê Thị Thanh T, Nguyễn Minh Gi, Nguyễn Minh T có nghĩa vụ mở cho bà Nguyễn Thị T lối đi vào thửa đất số 984 có diện tích là 71,4m^2. Lối đi thuộc thửa đất số 1979 (986) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00357 do UBND thị xã G cấp cho anh Nguyễn Văn S ngày 19/11/2010 và thửa đất số 1981 (987) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00358 do UBND thị xã Gò C cấp cho chị Nguyễn Thị Út M.

Lối đi được mở có các bên tiếp giáp như sau:

- Lối đi qua thửa đất số 1979 (986) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00357 do UBND thị xã G cấp cho anh Nguyễn Văn S ngày 19/11/2010 có vị trí:

+ Hướng Đông giáp đất Nguyễn Thị Út M có số đo 01m;

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị T có số đo 01m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn S có số đo các đoạn 2,15m + 2,88m + 4,88m + 50m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị C có số đo các đoạn 2,15m + 03m + 05m + 50m;

Tổng diện tích là 60m².

- Lối đi qua thửa đất số 1981 (987) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00358 do UBND thị xã G cấp cho chị Nguyễn Thị Út M có vị trí:

+ Hướng Đông giáp đường tỉnh 871B có số đo 01m;

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn S có số đo 01m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Thị Út M có số đo 11,7m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị C có số đo 12,11m;

Tổng diện tích là 11,4m².

(*Có sơ đồ lối đi kèm theo*)

- Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Út M và các thành viên trong hộ gồm: bà Hồ Thị R, Nguyễn Thị K, Lê Công T, Lê Thị Thanh T, Nguyễn Minh G, Nguyễn Minh T cùng có trách nhiệm chặt và di dời 10 cây sua đũa đường kính 02cm – 05cm ra khỏi phần diện tích đất 60m² thuộc thửa đất số 1979 (986) mở lối đi cho bà Nguyễn Thị T.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đền bù cho anh Nguyễn Văn S tổng số tiền 125.703.360 đồng; đền bù cho chị Nguyễn Thị Út M tổng số tiền 23.737.969 đồng.

Các bên thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi anh S, chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 7.472.066 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng theo các biên lai thu số 41713 ngày 07/4/2017, số 42227 ngày 01/12/2017 và số 42536 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, nên bà T phải nộp tiếp số tiền là 6.572.066 đồng (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng*).

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 42627 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, nên anh S còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Út M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 42628 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, nên chị Út M còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX. G;
- Chi cục THADS TX. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy